TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH GIA LAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28/9/2018
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: ông Lại Hùng Hưng;
- *Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Lê Đình Hưng ;
2. Ông Phạm Văn Miền;
- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phạm Thị Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa***: Ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2018/TLST-HNGĐ ngày 23/5/2018 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Hải V, sinh năm: 1993, địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn*: Anh Lê Hồng N, sinh năm 1988, địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. (vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 10/4/2018, trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn, chị Lê Thị Hải V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Hồng N tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 26/7/2011 tại UBND thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Thời gian đầu sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc. Từ cuối năm 2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh N ham chơi, không tu chí làm ăn, không quan tâm tới vợ con, nghe lời bạn bè đánh đập, chửi bới chị. Vì không thể sống chung với anh N được nữa nên chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 12 năm 2015, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung tên: Lê Bảo L, sinh ngày

22/5/2012, hiện đang sinh sống cùng chị. Chị đề nghị được nuôi cháu L và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lê Hồng N đã được Tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, đã triệu tập hợp lệ để lấy lời khai, triệu tập tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N đều vắng mặt. Do đó, hồ sơ không có lời khai và ý kiến của anh N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: xử cho chị Lê Thị Hải V được ly hôn với anh Lê Hồng N. Giao cháu Lê Bảo L cho chị V nuôi dưỡng. Buộc chị V chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Thị Hải V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Hồng N và giải quyết nuôi con chung. Chị V là người có quyền khởi kiện. Yêu cầu khởi kiện của chị V thuộc trường hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[2] Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Chị V có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị V và anh N.

[3] Chị V và anh N tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 26/7/2011. Hôn nhân giữa chị V và anh N là hợp pháp. Chị V cho rằng, mâu thuẫn của chị và anh N đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh N. Anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt. Điều đó cho thấy rằng, anh N không quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa anh và chị V. Do đó, cần thiết căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên xử cho chị V được ly hôn với anh N.

[4] Chị V và anh N có 01 con chung tên: Lê Bảo L, sinh ngày 22/5/2012. Chị V đề nghị được nuôi cháu L. Anh N không có ý kiến gì về việcnuôi con. Xét thấy rằng, hiện cháu L còn nhỏ, đang sống cùng chị V. Do đó, căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu L cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng. Vì chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi cháu L nên không buộc anh N cấp dưỡng nuôi cháu L.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: buộc chị V chịu 300.000đ án phí để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 144, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hải V

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị Hải V và anh Lê Hồng N

2. Về con chung: Giao cháu Lê Bảo L, sinh ngày 22/5/2012 cho chị Lê Thị Hải V trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu L thành niên và có khả năng lao động tự lập được. Chị V không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Chị V và anh N đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: buộc chị V chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002939 ngày 23/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Chị V đã nộp đủ tiền án phí.

4. Các vấn đề khác:

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Vì đương sự đều văng mặt tại phiên tòa nên thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TA tỉnh;*
- *VKS;*
- *Các đương sự;*
- *UBND TT Chư ty;*
- *CC THADS ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Hùng Hưng